TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 349/2022/HS-PT
Ngày 20-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 595/2021/TLPT-HS ngày 22/12/2021 đối với bị cáo Nguyễn Thị Anh Th1 do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 36/2021/HS-ST ngày 16/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Bị cáo kháng cáo:

1/ Nguyễn Thị M (tên gọi khác: Tiên), sinh năm: 1975; tại: huyện GQ, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp MH 1, xã TT, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 0/12; con ông: Nguyễn Văn N (chết) và bà: Trần Thị R (chết); bị cáo có chồng là Nguyễn Văn X và có 01 người con sinh năm 1995; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/12/2015, Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh Hậu Giang xử phạt 06 tháng tù, cho hưởng án treo về tội Đánh bạc; bị cáo bị bắt ngày 15/9/2020 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay.

Ngày 27/12/2021, bị cáo M có đơn xin rút kháng cáo. Tại Quyết định đình chỉ giải quyết việc kháng cáo số 12/2022/HSPT-QĐ ngày 21/02/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị cáo M.

2/ Huỳnh Thị Kim Đ (tên gọi khác: Mai), sinh năm: 1982; tại: huyện GR, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Khu vực 5, phường VII, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Huỳnh Văn L (chết) và bà:

Trần Bích Th; bị cáo có chồng là Trần Văn L1 và có 01 người con sinh năm 2009; tiền án: Ngày 29/11/2016, bị Tòa án nhân dân huyện GQ, tỉnh Kiên Giang xử phạt 8.000.000 đồng về tội Đánh bạc, chưa nộp phạt; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt ngày 16/9/2020 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay.

Ngày 01/12/2021, bị cáo Đ có đơn xin rút kháng cáo. Tại Quyết định đình chỉ giải quyết việc kháng cáo số 12/2022/HSPT-QĐ ngày 21/02/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị cáo Đ.

3/ Nguyễn Thị Anh Th1 (tên gọi khác: Diễm), sinh năm: 1976; tại: huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Khu vực 4, phường IV, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Nội trợ; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; con ông: Nguyễn Văn H (chết) và bà: Phan Thị Ngọc A (chết); bị cáo có chồng là Trịnh Ngọc Qu (đã ly hôn) và có 02 người con (lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2009); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt ngày 15/9/2020 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Anh Th1 theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Nguyễn Viết Ch – Văn phòng luật sư Tây Đô thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Bị hại:*

1/ Dương Ngọc H1, sinh năm: 1981; nơi cư trú: Số 124/7, đường 3/2, phường XK, quận NK, thành phố Cần Thơ.

2/ Lê Văn Út Nh, sinh năm: 1957; nơi cư trú: Khu vực 5, phường IV, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang.

3/ Hà Minh V, sinh năm: 1970; nơi cư trú: Ấp VH 1, xã VH HN, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

4/ Huỳnh Kiều O, sinh năm: 1971; nơi cư trú: Ấp KG, xã Hòa Hưng, huyện GR, tỉnh Kiên Giang.

(Các bị cáo Nguyễn Thị M, Huỳnh Thị Kim Đ đã rút kháng cáo; ngoài ra trong vụ án còn có những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo của bị cáo Th1 nên Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Anh Th1 và Huỳnh Thị Kim Đ không có nghề nghiệp ổn định nhưng muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã bàn bạc thống nhất với nhau cùng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức rủ rê lôi kéo các bị hại hùn vốn làm thầu số đề (các phơi đề do Th1 và Đ tự tạo ra). Trong mỗi lần cung cấp (giao) phơi đề qua cho các bị hại gồm có 04

phơi đề được viết trên 04 tờ giấy tập học sinh. Mỗi phơi đề được viết trên một mặt của tờ giấy gồm có ba hàng được viết từ trên xuống dưới, hàng thứ nhất từ bên trái qua là xỉu chủ, hàng thứ hai là bao lô 2 con số và hàng thứ ba là bao lô 3 con số. Địa điểm giao phơi đề và cộng số tiền trên phơi đề là ở những nơi vắng người như trong phòng trọ, quán cà phê chòi, quán nhậu có chòi riêng biệt... Th1 có nhiệm vụ đóng vai người giao phơi đề, thời điểm giao phơi cho các bị hại là lúc gần có kết quả xổ số mở thưởng trong ngày. Sau khi nhận được phơi đề do Th1 giao thì các bị hại tự cộng số tiền trên các phơi đề rồi đưa lại Th1 kiểm tra. Lúc này, Th1 lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của các bị hại, Th1 sẽ dùng viết mực có thể xóa được sửa một hoặc vài số lô đề trên phơi giống với kết quả xổ số. Sau khi sửa số xong thì đưa trở lại cho các bị hại dò đối chiếu với kết quả xổ số, các số lô đề từ không trúng thành trúng làm phơi đề thua lỗ buộc các bị hại phải bỏ tiền ra chung. Trong trường hợp, Th1 không có tham gia thì Đ sẽ là người trực tiếp viết các phơi đề và giao qua cho các bị hại và Đ sẽ chuẩn bị thêm 01 phơi đề giống với 01 trong bốn phơi đề đã giao nhưng còn chừa một số hàng trống. Sau khi đã có kết quả sổ số, Đ sẽ viết thêm số trúng và số tiền trúng vào phơi đề đã chuẩn bị rồi cùng với M tìm sơ hở của các bị hại để đánh tráo phơi đề.

Với những phương thức, thủ đoạn nêu trên, trong khoảng thời gian từ cuối năm 2016 đến tháng 08 năm 2020, Nguyễn Thị M và Huỳnh Thị Kim Đ đã thực hiện cùng nhau 01 vụ; Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Anh Th1 và Huỳnh Thị Kim Đ thực hiện 03 vụ trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng thời gian cuối năm 2016 (không nhớ ngày, tháng), Hà Minh V, sinh năm 1970, nơi cư trú: ấp VH1, xã VHHN, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang (nhà gần với nhà cha mẹ ruột Nguyễn Thị M) uống cà phê cùng với M, Đ và Huỳnh Thị Bé H2, sinh năm: 1983, nơi cư trú: ấp VH1, xã VHHN, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang (là em dâu của M) tại quán cà phê ngang xí nghiệp đường VT thuộc phường VII, thành phố VT. Trong lúc uống cà phê thì M nói đang "làm thầu số đề" và rủ Viên cùng làm. Cả nhóm rủ nhau đến quán nhậu Gia đình thuộc xã TT, thành phố VT để nhậu. Sau đó, Đ tạo ra 02 phơi đề rồi M và Đ hẹn Viên đến quán cà phê chòi Hoàng Phúc toạ lạc tại phường III, thành phố VT để "làm phơi". Khi đến quán do V say rượu nên nằm võng ngủ một lúc sau trời đã sập tối, M kêu V thức dậy và thông báo các phơi đề đã thua lỗ (không nhớ lỗ bao nhiêu) thì V đi ứng tiền mía được 20.000.000đ đưa cho M.

Khoảng 03 đến 04 ngày sau, M tiếp tục rủ V làm số đề để gỡ lại thua lỗ lần trước tại căn nhà bỏ hoang thuộc xã VHHN, huyện GQ, tỉnh Hậu Giang. Đ là người cung cấp phơi đề và đánh tráo phơi, các phơi đề thua lỗ trên 100.000.000đ, ông V đã đưa trả tổng 3 lần với số tiền là 84.000.000đ cho M. Sau đó, M cho Đ 5.000.000đ, số tiền còn lại M giữ.

Khoảng 10 đến 15 ngày sau, tại quán ăn gia đình Duy Thanh (đối diện cây xăng 9 Thảo) toạ lạc tại xã TT, thành phố VT, M và Đ với thủ đoạn tương tự, các phơi đề giao qua và đánh tráo phơi làm cho V thua lỗ hơn 300.000.000đ. Viên về nhà lấy 30.000.000đ mang đến đưa cho M ở ngoài đường gần quán ăn.

Tổng số tiền mà M và Đ chiếm đoạt của Hà Minh V là 134.000.000đ.

Ngày 26/9/2020, đại diện gia đình của Nguyễn Thị M đã thoả thuận thống nhất bồi thường số tiền 80.000.000đ cho Hà Minh V và Viên đồng ý không có yêu cầu hay khiếu nại gì về sau.

Đối với Huỳnh Thị Bé H2 (là em dâu của M): Quá trình điều tra, H2 thừa nhận vào khoảng thời gian nêu trên có đi chơi, uống cà phê và ăn nhậu cùng với M, Đ và V. Tuy nhiên, việc M và Đ rủ Viên hùn vốn làm thầu số đề thì H2 không hay biết. Bên cạnh đó, M và Đ không có nói cho H2 biết và H2 cũng không có hưởng lợi. Xét thấy chưa đủ cơ sở, chứng cứ để xử lý đối với bà Huỳnh Thị Bé H2 về hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với vai trò đồng phạm trong vụ án nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hậu Giang không xem xét xử lý.

Vụ thứ hai: Vào ngày 14/6/2019 (12/5 Âm lịch), Đ và M sau khi về nhà thăm mẹ Đ tại ấp KG, xã HH, huyện GR, tỉnh Kiên Giang thì cả hai ghé vào nhà của bà Huỳnh Kiều O, sinh năm 1971, ngụ cùng ấp (là cô ruột của Đ) để chơi. Thấy M đeo trên người nhiều vàng nên bà O hỏi "dạo này làm ăn như thế nào mà thấy đeo vàng nhiều". Lúc này, Đ mới nói là M "cho vay và bán số đề". Đ hỏi bà O có làm hay không để Đ giới thiệu làm rất lời, bà O hẹn đến bán lúa mới có tiền. Sau hôm đó thì M và Đ thường xuyên điện thoại qua lại với bà O, nội dung rủ làm số đề và sẽ có người giao phơi qua.

Sáng ngày 24/6/2019, Đ và M hẹn bà O qua thành phố VT ăn sáng, uống cà phê và gặp người giao phơi. Do bà O không biết điều khiển xe nên đi cùng chồng là ông Lê Minh Kh, sinh năm 1968, nơi cư trú: ấp KG, xã HH, huyện GR, tỉnh Kiên Giang hẹn gặp nhau tại quán cà phê trên địa bàn phường I. Tại quán có thêm Th1, lúc này giới thiệu tên Cẩm là người giao phơi đề, cả ba hứa hẹn với bà O làm ăn rất lời, do là chỗ quen biết nên mới chia lại một ít phơi và hẹn đến chiều sẽ tiến hành làm số đề nên vợ chồng bà O ra về.

Khoảng 15 giờ chiều cùng ngày, bà O điện thoại cho Th1 thì Th1 hẹn gặp tại quán ĐPS thuộc phường V, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang. Sau đó, vợ chồng bà O đến quán ĐPS. Sau khi vào chòi kêu bia, mồi ra ăn uống thì Th1 mang 04 phơi đề chuẩn bị sẵn giao qua cho bà O cộng phơi có sự hỗ trợ của Đ, cộng xong giao lại cho Th1 kiểm tra. Lúc này, đã có kết quả xổ số nên Th1 lợi dụng sửa số đề trên phơi. Sau khi đối chiếu với kết quả xổ số thì 04 phơi lỗ (không nhớ rõ lỗ bao nhiêu). Th1 giữ lại các phơi đề sau đó tiêu huỷ, M và Đ đi cùng với vợ chồng bà O về nhà lấy tiền được 97.000.000đ và mang tấm lắc vàng của bà O đi cầm được thêm 7.000.000đ, tổng số tiền chiếm đoạt lần này là 104.000.000đ.

Qua hai hôm sau các bị cáo tiếp tục liên lạc với bà O rủ làm số đề để gở lại phần thua lỗ, lần này hứa hẹn sẽ lời nhằm tạo lòng tin đối với bà O. Đến ngày 28/6/2019, bà O điện thoại nói là mới mượn được của chị ruột thứ ba, nhà ở Hội đồng thuộc huyện VT số tiền 100.000.000đ nhưng đợi tốt ngày mới nhận phơi, làm số. Do sợ bà O đổi ý không làm nữa nên các bị cáo đã bàn bạc thống nhất với nhau là giả vờ mượn số tiền trên để đáo hạn ngân hàng, vay thêm tiền, sau khi được giải ngân thì sẽ giúp cho bà O làm ăn lớn hơn nên bà O đồng ý. Th1 và Đ đến nhà chị ba của bà O và gặp bà O lấy trước số tiền 100.000.000đ.

Chiều ngày 01/07/2019, M, Th1 và Đ hẹn gặp bà O tại quán nhậu HN thuộc phường III, thành phố VT, với thủ đoạn tương tự là sửa số trên phơi nhưng do vợ chồng bà O chú ý vào các phơi đề. Lúc này, Th1 cộng lại nên không tiến hành sửa số được nên M sử dụng điện thoại của mình điện vào số điện thoại của Th1 giả vờ nghe máy nói là có Công an nên Th1 gom các phơi đề lại và kêu đi tìm nhà trọ để tiếp tục cộng phơi. Cả nhóm đến nhà trọ Phước Sang toạ lạc tại phường VII, thành phố VT. Khi vào phòng trọ, Th1 lợi dụng sơ hở đã sửa được số trên phơi đề, sau khi đối chiếu các phơi đề lỗ trên 400.000.000đ, trừ 100.000.000đ mà Th1 đã mượn trước đó, bà O còn nợ lại 300.000.000đ.

Tổng số tiền mà M, Th1 và Đ thừa nhận đã chiếm đoạt của bà Huỳnh Kiều O là 204.000.000đ. Sau khi trừ chi phí đi lại, ăn uống khoảng 4.000.000đ, còn lại chia đều mỗi người khoảng hơn 66.000.000đ tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra bà Huỳnh Kiều O, trình bày: M, Th1, Đ thực hiện hành vi lừa đảo là 02 lần tại hai địa điểm nêu trên. Tuy nhiên lần đầu tại quán ĐPS, 04 phơi đề lỗ 157.000.000đ, bà O vừa bán lúa hôm trước nên mang theo 50.000.000đ đưa cho Th1 tại quán. Sau đó, M và Đ đi theo vợ chồng bà O về nhà bà O lấy thêm 100.000.000đ tiền mặt và bà O đưa tấm lắc vàng đang đeo để bị cáo Đ mang đi cầm thêm 7.000.000đ. Tổng cộng số tiền lần đầu bà O đã trả là 157.000.000đ.

Qua hai hôm sau, Đ đưa biên nhận cầm vàng cho bà O đi chuộc, chuộc xong một vài hôm sau Đ tiếp tục hỏi mượn mang đi cầm 10.000.000đ nói là để xử lý công việc riêng. Đến lần lừa đảo thứ hai, số tiền thua lỗ là trên 400.000.000đ, trừ 100.000.000đ mà Th1 đã mượn đáo hạn ngân hàng trước đó thì Đ tiếp tục đưa biên nhận cầm vàng cho bà O kêu đi chuộc trừ cấn vào phần thua lỗ số đề. Như vậy tổng cộng số tiền M, Th1 và Đ đã chiếm đoạt bà Huỳnh Kiều O trình bày là 267.000.000đ.

Vụ thứ ba: Vào ngày 20/11/2019, ông Trần Ngọc L2 (là cậu ruột của Đ) rủ ông Lê Văn Út Nh, sinh năm: 1957, nơi cư trú: khu vực 5, phường IV, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang đến nhà của Đ chơi. Đến ngày 25/11/2019, Đ xin được số điện thoại và điện cho ông Út Nh nói muốn gặp để bàn chuyện làm ăn nhưng không có nói là làm gì nên ông Út Nh không có gặp Đ. Đến ngày 15/12/2019, M lấy số điện thoại của ông Út Nh từ Đ sau đó điện thoại rủ xuống quán HN. Khi ông Út Nh đến quán thì M giới thiệu tên là Tiên và Th1 giới thiệu tên là Diễm, do ông Út Nh không nhậu nên ngồi nói chuyện một lúc thì Th1 tính tiền ra về.

Khoảng giữa tháng 01/2020, vào buổi chiều M rủ ông Út Nh đến quán Hương Quê thuộc phường IV, thành phố VT để uống cà phê bàn chuyện làm ăn, một lúc sau thì Đ đến. Tại quán, M rủ ông Út Nh hùn vốn làm "thầu đề" rất lời, ông Út Nh nói không biết làm thì Đ nói "cậu làm đi, con giúp cho", hùn với M lời lỗ chia đôi. Sau đó, M điện thoại cho Th1 đến quán và lấy ra 04 phơi đề giao qua cho ông Út Nh rồi mọi người đến quán ĐPS để cộng phơi, với thủ đoạn sửa số trên phơi đề của Th1, sau khi đối chiếu với kết quả xổ số thì 4 phơi đề thua lỗ. M kêu ông Út Nh trả 30.000.000đ, còn lại M sẽ trả cho Th1 thay ông Út Nh.

Với thủ đoạn nêu trên, M, Th1 và Đ đã bàn bạc, thống nhất với nhau cùng thực hiện hành vi lừa đảo đối với ông Út Nh 09 lần, tại nhiều địa điểm khác nhau. Những phơi đề sau khi đã sửa số thì thua lỗ rất nhiều, tuy nhiên để tạo niềm tin thì tại mỗi lần lừa đảo ông Út Nh chỉ phải trả một phần tiền thua lỗ, còn lại số nhiều là do M nói sẽ trả thay và người trực tiếp nhận tiền từ ông Út Nh trả là Th1. Những địa điểm mà Th1, M, Đ lựa chọn để tiếp tục lừa ông Út Nh là tại quán ĐPS; tại quán cà phê không có biển hiệu cuối đường Nguyễn Thị Minh Khai giao nhau với Đại lộ Võ Nguyên Giáp và tại quán ăn Đầm Sen thuộc phường IV, thành phố VT; tại quán cà phê chòi biển hiệu Hoàng Phúc thuộc phường III, thành phố VT; tại quán ăn Gia đình thuộc phường V, thành phố VT; tại quán ăn Hương Lúa và tại quán cà phê chòi Ngọc Mai thuộc xã Vị Trung, huyện VT.

Những lần thực hiện hành vi lừa đảo cách nhau vài ngày đến hơn một tháng nên bản thân M, Th1 và Đ không nhớ rõ cụ thể tại các phơi đề trong từng lần lừa đảo đối với ông Út Nh sau khi đã sửa số đề trên phơi thì thua lỗ bao nhiêu tiền. Tuy nhiên số tiền chiếm đoạt từng lần lừa đảo M, Th1, Đ trình bày phù hợp với lời trình bày của ông Út Nh thấp nhất là 11.000.000đ và cao nhất gần 200.000.000đ. Địa điểm giao nhận tiền chủ yếu là ở trên đường NAN; tại quán ĐPS; Đại lộ Võ Nguyên Giáp đoạn gần vòng xoay xã Vị Tân; Quán cà phê Vườn Lan và quán cà phê Sen Đá thuộc phường IV, thành phố VT.

Tổng số tiền M, Th1, Đ thừa nhận đã chiếm đoạt của ông Lê Văn Út Nh là 622.000.000đ. Sau khi trừ chi phí đi lại, ăn uống khoảng 22.000.000đ, chia đều mỗi người khoảng 200.000.000đ tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra ông Lê Văn Út Nh trình bày: M, Th1, Đ thực hiện hành vi lừa đảo là 11 lần. Vào các ngày 15/01/2020, 23/01/2020, 25/01/2020, 28/01/2020, 10/02/2020, 19/02/2020, 29/02/2020, 06/3/2020, 18/3/2020, 25/3/2020 và ngày 30/5/2020, tại các địa điểm NAN; tại quán ĐPS; Đại lộ Võ Nguyên Giáp đoạn gần vòng xoay xã Vị Tân; Quán cà phê Vườn Lan và quán cà phê Sen Đá thuộc phường IV, thành phố VT và ông đã trả tiền cho Th1 là người giao phơi đề nhiều lần với tổng số tiền 1.837.000.000đ. Quá trình giao nhận tiền giữa ông Út Nh và Th1 không có làm biên nhận, quá trình nhận tiền thì lúc nào cũng có M, còn Đ thì chỉ có mặt một vài lần.

Vụ thứ tư: Khoảng tháng 04/2020, thông qua mạng xã hội Zalo nên M quen biết và sống chung với nhau như vợ chồng với ông Trần Hải A1, sinh năm 1984, nơi cư trú: khu vực 2, phường V, thành phố VT. Ngày 26/07/2020, thông qua Hải A1, trong quá trình ăn nhậu chung tại thành phố Cần Thơ nên M, Th1 và Đ quen với ông Dương Ngọc H1, sinh năm 1981, nơi cư trú: số 124/7, đường 3/2, phường XK, quận NK, thành phố Cần Thơ (là bạn quen biết ngoài xã hội với ông Hải A1). Quá trình quen biết thì M giới thiệu mình tên là Tiên, Th1 tên là Diễm và Đ tên là Mai. Đến khoảng hơn 14 giờ ngày 28/07/2020, M và Đ điện thoại rủ ông H1 xuống địa bàn thành phố VT để hùn vốn làm ăn thông qua hình thức ghi bán các số lô, số đề (thầu đề). Lúc đầu, ông H1 nói không có tiền thì M nói sẽ cho mượn nên ông H1 điều khiển xe mô tô đến gặp M, Đ, Th1 tại khách

sạn Thanh Hương thuộc phường I, thành phố VT. Sau đó, cả nhóm thuê taxi đi, trên xe Th1 đưa cho ông H1 04 phơi đề đã chuẩn bị sẵn và cả nhóm đến nhà trọ Ngọc Diễm tại địa bàn xã Vị Tân, thành phố VT thuê phòng trọ để đối chiếu các số lô, số đề.

Bốn phơi đề lần này, M kêu ông H1 hùn tiền với Đ. Khi vào phòng trọ, ông H1 và Đ cộng số tiền bán được trên từng phơi, cộng xong phơi nào đưa lại cho Th1. Lợi dụng việc ông H1 không để ý và lúc này đã có kết quả xổ số nên Th1 đã dùng viết sửa lại số đề trong phơi từ số không trúng thành số trúng. Sau khi cộng tiền trên phơi xong thì ông H1 và Đ bắt đầu dò số, phơi đề lỗ 1.400.000.000đ. Do ông H1 hùn tiền với Đ nên mỗi người phải trả một nữa tiền cho Th1 là 700.000.000đ. Ông H1 nói là mình không có tiền thì M nói cho mượn 400.000.000đ trả cho Th1 trước, còn lại 300.000.000đ ông H1 phải lo tiền để trả. Ông H1 cùng với M, Th1 và Đ đến tiệm vàng cầm nhẫn và dây chuyền và về thành phố Cần Thơ vay mượn tiền của bạn bè, người thân, để trả tiền cho Th1 và M là 192.000.000đ. Số tiền còn lại vẫn còn nợ Th1 và M.

Cũng với thủ đoạn tương tự khoảng cuối tháng 8/2020, M tiếp tục rủ ông H1 hùn với mình làm thầu đề để gở lại phần thua lỗ, đồng thời sẽ có tiền để trả nợ nên ông H1 đồng ý. Từ thành phố Cần Thơ ông H1 xuống thành phố VT và hẹn gặp M, Th1 và Đ tại quán ăn Đầm Sen thuộc phường IV, thành phố VT. Sau khi kêu bia mồi ra ăn uống thì Th1 cũng giao qua 04 phơi đề như lần trước và sửa số đề trên phơi, đối chiếu với kết quả xổ số thì 04 phơi đề thua lỗ khoảng 3.400.000.000đ. M và ông H1 mỗi người phải trả cho Th1 là 1.700.000.000đ. Lúc này, M mới mang ra một bịch màu đen từ trong túi xách mang theo đưa cho Th1 nói là phần tiền của M thua số đề đã trả xong, còn lại của ông H1. Ông H1 phải đi cầm xe và vay mượn của người thân được tổng cộng 28.000.000đ đưa trả cho Th1.

Do không còn khả năng chi trả nên ông H1 đã tắt điện thoại di động, do không liên lạc được với ông H1 để đòi tiền nên M, Th1 và Đ có nhờ ông H1 A1 tìm địa chỉ nơi ông H1 đang ở tại thành phố Cần Thơ. Sau khi đã có địa chỉ cả nhóm thuê xe taxi đến tìm ông H1 để đòi nợ, ông H1 hứa trả nhưng không còn tiền. Vào ngày 15/9/2020, gia đình đã cho ông H1 số tiền 100.000.000đ để trả nợ nên ông H1 đã hẹn với M và Th1 để trả tiền tại quán cà phê Phát, đường 30/4, thuộc khu vực 2, phường TA, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang. Khi Th1 nhận 100.000.000đ từ ông H1 thì bị Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hậu Giang bắt quả tang. Đến 19 giờ ngày 15/9/2020, Đ đến Công an phường IV, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang đầu thú.

Riêng 100.000.000đ, lúc Th1 và M đã nhận từ ông H1 bị Cơ quan Công an bắt quả tang thì Đ không biết (do Đ tắt điện thoại di động không liên lạc được). Như vậy, tổng số tiền mà M, Th1 thừa nhận đã chiếm đoạt của ông Dương Ngọc H1 là 320.000.000đ và Đ chiếm đoạt của ông H1 là 220.000.000đ. Sau khi trừ chi phí đi lại, ăn uống khoảng 20.000.000đ, chia đều mỗi người khoảng hơn 66.000.000đ tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra ông Dương Ngọc H1 trình bày: Tổng cộng đã bị M, Th1 và Đ thực hiện hành vi lừa đảo là 02 lần tại hai địa điểm và số tiền phải trả nêu trên. Ông H1 đã trả cho Th1 và M nhiều lần tại thành phố VT và thành phố Cần Thơ với tổng số tiền 358.000.000đ. Quá trình giao nhận tiền giữa ông H1 và Th1, M không có làm biên nhận.

Đối với ông Trần Hải A1 quá trình làm việc với Cơ quan điều tra thì ông H1 A1 thừa nhận quen biết và có mối quan hệ tình cảm với M vào khoảng tháng 05/2020. Thông qua M mới biết Đ và Th1. Khi đến thành phố Cần Thơ ăn nhậu thì Hải A1 có điện cho ông H1 (là bạn quen biết ngoài xã hội) ra chơi cùng với cả nhóm. Một vài hôm sau thấy ông H1 xuống địa bàn thành phố VT nghe nói là gặp M, Th1, Đ để hùn hạp làm số đề và bị thua lỗ do Th1 đứng ra lãnh giùm nên ông H1 phải trả tiền lại cho Th1. Hải A1 trực tiếp thấy ông H1 trả tiền cho Th1 khoảng 5 lần. Sau đó, ông H1 tắt máy điện thoại nên Th1 nhờ tìm địa chỉ nhà nơi ông H1 đang ở để đến tìm đòi nợ. Hải A1 đã điện thoại cho ông Nguyễn Thanh Tâm nhà tại thành phố Cần Thơ là bạn chơi chung hỏi địa chỉ nhà nơi ông H1 đang ở, sau đó cả nhóm thuê taxi đến thành phố Cần Thơ tìm ông H1 cho Th1 đòi tiền. Bản thân Hải A1 không biết được M, Th1, Đ tự tạo các phơi đề giả để giao qua cho ông H1 mục đích lừa đảo đối với ông H1 và M, Th1, Đ cũng không có nói cho Hải A1 biết. Xét thấy chưa đủ cơ sở, chứng cứ để xử lý đối với Trần Hải A1 về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với vai trò đồng phạm trong vụ án nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hậu Giang không xem xét xử lý đối với Trần Hải A1.

Ngoài 04 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà Đ thừa nhận thực hiện cùng với đồng phạm thì Đ còn khai nhận thêm 02 vụ lừa đảo cũng với thủ đoạn nêu trên, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng đầu năm 2019, M nói với Đ là mới quen được một người đàn ông thông qua mạng xã hội, quê ở Đà Lạt và ông ta đồng ý đến thành phố VT để gặp gỡ M. Đ không nhớ tên người đàn ông, khoảng 40 tuổi. Khi đến thành phố VT, M giới thiệu mình tên Loan, dẫn người đàn ông vào thuê phòng tại nhà trọ Gia Hải thuộc phường IV, thành phố VT, rồi dẫn ra ngoài ăn uống có mặt Đ (giới thiệu tên Mai). Với thủ đoạn rủ hùn vốn làm thầu số đề (M hùn với người đàn ông). Sau khi trở về phòng trọ thì Đ đứng ở ngoài canh đường, M cùng người đàn ông vào trong phòng. Lúc này, M mới điện thoại cho Th1 (giới thiệu tên Diễm) mang phơi đề giả đến để lừa người đàn ông. Với hình thức sửa số đề làm các phơi đề thua lỗ, nhưng lỗ bao nhiêu Đ không nhớ rõ, người đàn ông nói không có tiền mặt chỉ có 2 nhẫn vàng nên M kêu tháo ra mang đi bán để trả đỡ. Th1 điều khiển xe chở Đ đến tiệm vàng Huỳnh Văn Bạc tại Phường VII, thành phố VT vào bán được số tiền 14.000.000đ chia cho Đ 3.000.000đ, còn lại Th1 và M chia nhau tiêu xài.

Quá trình điều tra, Th1 và M không thừa nhận thực hiện vụ lừa đảo nào như nội dung Đ trình bày nêu trên. Do không xác định được nhân thân, lý lịch bị hại nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý, khi nào có đủ căn cứ thì sẽ tiến hành xử lý sau.

Vụ thứ hai: Khoảng giữa năm 2019, cũng với thủ đoạn tương tự, M nói làm quen được một người đàn ông, làm bác sĩ, quê ở Bến Tre, khoảng 40 tuổi. Đ không nhớ tên, đồng ý đến thành phố VT để gặp gỡ M. Khi xuống đến thành phố VT, người đàn ông vào nhà trọ Gia Hải thuê phòng nghỉ. M đóng vai người hùn làm thầu đề, lần lừa đảo này không có Th1. Đ là người tạo và giao các phơi đề giả, trong quá trình viết các phơi đề đã viết thêm một phơi dự phòng còn chừa khoảng trống đợi khi có kết quả xổ số sẽ viết thêm số đề trúng vào và tìm cách đánh tráo phơi đề đã giao. Qua đối chiếu không nhớ 4 phơi đề đã lỗ bao nhiêu nhưng người đàn ông phải tự đi cầm xe sau đó đưa cho Đ được 15.000.000đ. Đ đưa số tiến chiếm đoạt cho M và M chia cho Đ 5.000.000đ.

Quá trình điều tra, M không thừa nhận thực hiện vụ lừa đảo nào như nội dung Đ trình bày nêu trên. Do không xác định được nhân thân, lý lịch bị hại nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý, khi nào có đủ căn cứ thì sẽ tiến hành xử lý sau.

Ngoài ra, ông Lương Văn N1, sinh năm: 1974, nơi cư trú: khu vực 2, phường VII, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang và ông Huỳnh Văn H3, sinh năm: 1977, nơi cư trú: ấp 1, xã Vị Tân, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang xem tin tức trên đài truyền hình đã phát hiện và đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hậu Giang gửi tường trình về việc mình bị lừa đảo do M và Đ thực hiện vào năm 2012 và năm 2015 cũng với phương thức thủ đoạn đánh tráo phơi đề. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 08/2012, ông Lương Văn N1 đang thu mua mía tại huyện Phụng Hiệp để về bán lại cho nhà máy đường VT thì có một người phụ nữ điện vào số máy điện thoại làm quen và nói chuyện qua lại công việc làm ăn. Người nữ hẹn khi nào về VT thì đi uống cà phê, kể từ hôm đó ngày nào người phụ nữ cũng điện thoại nhưng do thời gian lâu ông N1 không nhớ rõ tên. Khi về thành phố VT ông N1 hẹn gặp và uống cà phê cùng người phụ nữ tại phường I, thành phố VT, cùng đi có thêm một người phụ nữ nữa giới thiệu tên "Mai". Sau đó, rủ ông N1 hùn "làm ăn". Khoảng 10 ngày sau, lúc hơn 15 giờ người nữ hẹn đến quán cà phê chòi Hoàng Phúc thuộc phường III, thành phố VT chỉ có ông N1 và người nữ, một lúc sau thì Mai đến mang trên người ra mấy phơi đề và nói hùn làm số đề. Người phụ nữ lấy mấy tờ giấy trắng tập học sinh ra kêu ông N1 sang số đề từ phơi của Mai qua giấy trắng, sau khi sang số xong do không biết dò số đề thì người nữ và Mai dò giùm, sau đó báo lỗ khoảng 200.000.000đ. Ông N1 vay mượn tiền trả được 54.000.000đ

Qua nhận dạng ông N1 xác định Nguyễn Thị M là người phụ nữ mà ông N1 không nhớ tên đã chủ động liên lạc và rủ ông N1 hùn vốn làm số đề và lừa đảo chiếm đoạt của ông N1 số tiền 54.000.000đ. Đối với người phụ nữ tên Mai do thời gian đã lâu nên ông N1 không nhớ chính xác khuôn mặt và không nhận dạng được.

Quá trình điều tra, M không thừa nhận thực hiện hành vi lừa đảo đối với ông Lương Văn N1, khi đưa tiền thì ông N1 không có làm biên nhận nên chưa đủ căn cứ để xử lý.

Vụ thứ hai: Đầu tháng 04/2015, thông qua ông Võ Văn Th2, sinh năm 1979, nơi cư trú: khu vực 5, phường VII, thành phố VT (là bạn ngoài xã hội) nên ông Huỳnh Văn H3 mới quen biết với M và Đ. Vài ngày sau khi quen biết, sau khi cùng nhau nhậu xong thì M rủ ông H3 lên quán cà phê chòi Hoàng Phúc làm số đề do Đ giao phơi qua. M rủ ông H3 hùn ôm số đề và đưa trước cho ông H3 10.000.000đ khi vào quán. Một lúc sau, Đ đến cùng với một người đàn ông giới thiệu là chồng Đ. Đ lấy ra 04 phơi đề và 04 tờ giấy trắng kêu ông H3 sang số qua, ông H3 sang được một phơi thì nhờ Đ sang giùm các phơi còn lại. Sau khi dò số đề trên phơi báo lỗ 140.000.000đ và Đ nói hùn với M thì chia đôi mỗi người trả 70.000.000đ. Lúc này, ông H3 trả lại 10.000.000đ khi vừa vào quán M đưa, đồng thời phải về vay mượn tiền đưa thêm cho Đ số tiền 60.000.000đ.

Qua nhận dạng ông H3 xác định Nguyễn Thị M và Huỳnh Thị Kim Đ người đã rủ ông H3 hùn vốn làm số đề và người giao số đề để lừa đảo chiếm đoạt của ông H3 số tiền 60.000.000đ.

Quá trình điều tra, M và Đ không thừa nhận thực hiện hành vi lừa đảo đối với ông Huỳnh Văn H3, khi đưa tiền thì ông H3 không có làm biên nhận nên chưa đủ căn cứ để xử lý.

Ngày 27/5/2021, bà Trần Bích Th (là mẹ của Huỳnh Thị Kim Đ) nộp 10.000.000đ tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang để khắc phục hậu quả.

Ngày 31/5/2021, bà Trịnh Lệ H5 (là chị chồng của Nguyễn Thị Anh Th1) nộp 5.000.000đ tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang để khắc phục hậu quả.

Tại Cáo trạng số 16/CT-VKS-P1, ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang truy tố các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Anh Th1, Huỳnh Thị Kim Đ về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngày 28/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 24/2021/HSST-QĐ, vì thiếu chứng cứ dùng để chứng minh một trong các vấn đề quy định tại khoản 2, 3 Điều 85 của Bộ luật Tố tụng hình sự mà không thể bổ sung tại phiên tòa.

Ngày 30/9/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang có Công văn số 449/VKS-P1 về việc giữ nguyên quyết định truy tố.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2021/HS-ST ngày 16/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị M, Huỳnh Thị Kim Đ, Nguyễn Thị Anh Th1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị Anh Th1;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Anh Th1 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/9/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 288, 584, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các bị cáo Nguyễn Thị M, Huỳnh Thị Kim Đ, Nguyễn Thị Anh Th1 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Huỳnh Kiều O số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Trong đó, phần của bị cáo M là 66.668.000 đồng, phần của bị cáo Đ là 66.666.000 đồng, phần của bị cáo Th1 là 66.666.000 đồng.

- Các bị cáo Nguyễn Thị M, Huỳnh Thị Kim Đ, Nguyễn Thị Anh Th1 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Lê Văn Út Nh số tiền số tiền 622.000.000 (sáu trăm hai mươi hai triệu) đồng. Trong đó, phần của bị cáo M là 207.334.000 đồng, phần của bị cáo Đ là 207.333.000 đồng, phần của bị cáo Th1 là 207.333.000 đồng.

- Các bị cáo Nguyễn Thị M, Huỳnh Thị Kim Đ, Nguyễn Thị Anh Th1 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Dương Ngọc H1 số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Trong đó, phần của bị cáo M là 66.668.000 đồng, phần của bị cáo Đ là 66.666.000 đồng, phần của bị cáo Th1 là 66.666.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị M, Huỳnh Thị Kim Đ, Nguyễn Thị Anh Th1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 27/12/2021, bị cáo M có đơn xin rút đơn kháng cáo; ngày 01/12/2021, bị cáo Đ có đơn xin rút đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Th1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định và hợp lệ, đề nghị được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Về nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm đúng như chủ tọa phiên tòa tóm tắt. Việc rút kháng cáo của bị cáo M, bị cáo Đ là tự nguyện và đã được Tòa án giải quyết bằng Quyết định đình chỉ giải quyết việc kháng cáo số 12/2022/HSPT-QĐ ngày 21/02/2022 là đúng quy định tố tụng hình sự. Xét kháng cáo của bị cáo Th1: quá trình điều tra, xét xử ở cấp sơ thẩm bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã tuyên. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ của vụ án và lời khai của các bị cáo khác trong vụ án cũng như lời khai của những người tham gia tố tụng khác, do đó cấp sơ thẩm truy tố và xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng người, đúng tội. Bị cáo có kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không đưa ra được những tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Viết Ch bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Anh Th1 trình bày: Luật sư không tranh luận về tội danh và khung hình phạt, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì các lý do như sau: về vai trò bị cáo là người thực hành chứ không phải chủ mưu cầm đầu, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ít hơn bị cáo M và Đ, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối

cải về hành vi của mình. Bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 5.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nên đề nghị được áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có bà ngoại là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, bị cáo có trình độ thấp, khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình có con nhỏ, khi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự và so với bị cáo M, Đ thì bị cáo Th1 có nhân thân tốt, bị cáo bị bệnh hạ can-xi và rối loạn tiền đình. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các hoàn cảnh nhân thân của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo ăn năn về sai phạm của mình, để bị cáo sớm về lo cho con và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về trường hợp của bị cáo Nguyễn Thị M, Huỳnh Thị Kim Đ: Các bị cáo có đơn kháng cáo nhưng đã xin rút toàn bộ kháng cáo. Căn cứ các điều 45, 342 và 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết việc kháng cáo số 12/2022/HSPT-QĐ ngày 21/02/2022 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của các bị cáo nên Tòa án không triệu tập.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Lời thừa nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở chứng minh: Trong khoảng thời gian cuối năm 2016 đến ngày 15/9/2020, lợi dụng sự hám lợi của các bị hại, các bị cáo Nguyễn Thị M (tên gọi khác: Tiên), Nguyễn Thị Anh Th1 (tên gọi khác: Diễm), Huỳnh Thị Kim Đ (tên gọi khác: Mai) đã rủ rê, lôi kéo các bị hại hùn vốn làm thầu số đề, nhưng thực tế các bị cáo tự tạo ra phơi đề rồi giao lại cho các bị hại. Người phụ trách viết ra các phơi đề và giao phơi là bị cáo Th1, những lần không có bị cáo Th1 thì bị cáo Đ sẽ là người phụ trách viết và giao phơi đề. Bị cáo M và Đ là người tiếp cận, rủ rê, lôi kéo các bị hại tham gia. Thời điểm giao phơi đề là gần đến giờ xổ số kiến thiết trong ngày. Khi có kết quả xổ số kiến thiết của đài xổ số mở thưởng trong ngày, căn cứ vào kết quả xổ số, các bị cáo lợi dụng sự sơ hở của các bị hại khi dò kết quả đã sửa số, thêm số đề trên phơi từ không trúng thành trúng hoặc đánh tráo phơi đề có số trúng đề dẫn đến các bị hại đều bị lỗ. Từ đó buộc các bị hại xuất tiền ra trả tiền trúng đề để chiếm đoạt chia nhau tiêu xài cá nhân.

Với thủ đoạn như đã nêu, quá trình điều tra đã chứng minh được các bị cáo Nguyễn Thị M, Huỳnh Thị Kim Đ đã thực hiện 04 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài

sản, bị cáo Nguyễn Thị Anh Th1 cùng với các bị cáo M, Đ thực 03 vụ trên địa bàn tỉnh Hậu Giang với tổng số tiền chiếm đoạt của các bị hại Hà Minh V, Huỳnh Kiều O, Lê Văn Út Nh và Dương Ngọc H1 là 1.280.000.000 đồng, cụ thể:

- Bị cáo M và bị cáo Đ chiếm đoạt của ông Hà Minh V số tiền 134.000.000 đồng.

- Các bị cáo M, Đ, Th1 chiếm đoạt của bà Huỳnh Kiều O số tiền 204.000.000 đồng, chiếm đoạt của ông Lê Văn Út Nh số tiền 622.000.000 đồng.

- Các bị cáo M, Đ, Th1 chiếm đoạt của ông Dương Ngọc H1 số tiền 220.000.000 đồng. Ngoài ra, M và Th1 còn chiếm đoạt thêm của ông H1 100.000.000 đồng vào ngày 15/9/2020 thì bị bắt.

Trong đó, số tiền bị cáo M và đồng phạm chiếm đoạt là 1.280.000.000 đồng, bị cáo Đ và đồng phạm chiếm đoạt là 1.180.000.000 đồng, bị cáo Th1 và đồng phạm chiếm đoạt là 1.146.000.000 đồng.

Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị Anh Th1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan, không sai.

[2.2] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Xuất phát từ động cơ vụ lợi, bị cáo đã bàn bạc thống nhất với các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội với thủ đoạn tinh vi, lợi dụng sự hám lợi của các bị hại, thông qua các mối quan hệ người thân, bạn bè, tình cảm đã rủ rê, lôi kéo các bị hại hùn làm thầu đề nhưng thực tế các phơi đề đều do bị cáo tự tạo ra, từ đó các bị cáo thu lợi bất chính số tiền với tổng số tiền là 1.280.000.000 đồng, trong đó Th1 và đồng phạm chiếm đoạt là 1.146.000.000 đồng. Những hành vi này thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo được giáo dục, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm chung như nhận định của cấp sơ thẩm là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm xem xét bị cáo Th1 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo nộp 5.000.000 đồng tiền bồi thường cho bị hại; bà ngoại của bị cáo là bà Bùi Thị Lịch được Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng và bị cáo cùng đồng phạm phạm tội có tổ chức, từ 02 lần trở lên, có tính chất chuyên nghiệp, bị cáo Th1 có vai trò thực hành tích cực nên đã áp dụng mức hình phạt 15 năm tù, có thấp hơn bị cáo M giữ vai trò chính trong vụ án.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo Th1 có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện nay sức khỏe không tốt nên được cấp sơ thẩm đã xem xét, cân nhắc các tình tiết này khi lượng

hình đối với bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Th1 là chưa đúng. Do đó xét mức án 15 năm tù đối với bị cáo Th1 là ngang bằng với bị cáo Đ như cấp sơ thẩm đã áp dụng là nặng, chưa thể hiện sự phân hóa rõ rệt vai trò của từng bị cáo trong vụ án. Cần thiết chấp nhận kháng cáo của bị cáo Th1, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần hình phạt áp dụng đối với bị cáo Th1 như nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần hình phạt đối với bị cáo Th1 không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận, quan điểm của Luật sư, bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Anh Th1. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2021/HS-ST ngày 16/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Anh Th1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị Anh Th1;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Anh Th1 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/9/2020.

2/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/ Án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Anh Th1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hậu Giang (2);
- VKSND tỉnh Hậu Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Trại tạm giam Công an tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- Bị cáo (1);
- Lưu HS (2) VP (5) 15B LTTT.

Lê Văn An